

TIẾN TRÌNH XÂY DỰNG CÁC ĐẠI HỌC TRỌNG ĐIỂM CỦA TRUNG QUỐC TỪ NHỮNG NĂM 50 (THẾ KỶ XX) ĐẾN NAY VÀ BÀI HỌC LIÊN HỆ VỚI VIỆT NAM

TRẦN THU QUỲNH NGA
Trường Đại học Hà Nội

Nhận bài ngày 20/9/2025. Sửa chữa xong 22/10/2025. Duyệt đăng 25/10/2025.

Abstract

In the context of globalization and increasingly intense knowledge-based competition, the development of key universities has become a crucial strategy for many countries to improve higher education quality and foster a highly skilled workforce. China is widely recognized as one of the most successful examples in this endeavor through the effective implementation of initiatives such as Project 211, Project 985, and the Double First-Class Initiative. This article examines the process of identifying, planning, and developing key universities in China from the 1950s to the present, highlighting their major achievements. It also offers relevant insights for Vietnam by drawing lessons that may inform the strategic orientation and development of a national system of key universities, thereby contributing to the modernization and internationalization of higher education in Vietnam.

Keywords: Chinese higher education, top universities, Vietnamese higher education.

1. Đặt vấn đề

Trung Quốc đã bắt tay vào quy hoạch hệ thống các trường đại học trọng điểm từ những năm 1950. Trải qua hơn nửa thế kỷ, mô hình này đã chứng minh hiệu quả khi nhiều trường đại học Trung Quốc vươn lên vị trí cao trên các bảng xếp hạng uy tín toàn cầu. Việc quy hoạch và xây dựng các trường đại học trọng điểm được xác định là một chiến lược dài hạn của Việt Nam. Do đó, việc lựa chọn mô hình phát triển phù hợp, cũng như rút ra bài học kinh nghiệm từ các quốc gia đi trước, đặc biệt là Trung Quốc trở nên hết sức cần thiết. Vì vậy, nghiên cứu tiến trình xây dựng các đại học trọng điểm ở Trung Quốc, đồng thời liên hệ và đối chiếu với thực tiễn của Việt Nam không chỉ có giá trị lý luận sâu sắc mà còn mang ý nghĩa thực tiễn quan trọng, góp phần đáp ứng nhu cầu đột phá về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Các giai đoạn “khoanh vùng” đại học trọng điểm của Trung Quốc từ sau những năm 50 (thế kỷ XX)

Đại học trọng điểm (重点大学, Key University) là thuật ngữ dùng để chỉ các trường đại học trong phạm vi lãnh thổ Trung Quốc đại lục được chính phủ lựa chọn, tập trung hỗ trợ và xây dựng nhằm đạt đến trình độ cao về đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ và đóng vai trò đầu tàu trong hệ thống giáo dục quốc gia.

Thuật ngữ “trường đại học trọng điểm quốc gia” lần đầu xuất hiện vào năm 1954. Một trường đại học được xem là trọng điểm thường đáp ứng các tiêu chí sau: Có quy mô đào tạo lớn, đa ngành nhưng nổi trội ở một số ngành mũi nhọn; có đội ngũ giảng viên, nhà khoa học trình độ cao; có thành tích nghiên cứu khoa học nổi bật (công bố quốc tế, sáng chế, ứng dụng thực tiễn); được đầu tư mạnh về cơ sở vật chất, trang thiết bị nghiên cứu hiện đại; có khả năng hợp tác quốc tế rộng rãi, thu hút sinh viên

Email: ngattq@hanu.edu.vn

và học giả quốc tế; có ảnh hưởng lớn tới chính sách, phát triển kinh tế - xã hội quốc gia. Trong thực tiễn, các chương trình phát triển đại học trọng điểm ở Trung Quốc đều gắn việc đầu tư tài chính với yêu cầu đạt chuẩn quốc tế theo các tiêu chí này.

Lịch sử xây dựng trường đại học trọng điểm quốc gia của Trung Quốc tính đến nay được chia làm năm giai đoạn:

2.1.1. Giai đoạn “khoanh vùng” lần thứ nhất

Ngay sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập (1949), giáo dục đại học được định vị là lực lượng then chốt hỗ trợ quá trình kiến thiết đất nước xã hội chủ nghĩa.

Tháng 12 năm 1954, Bộ Giáo dục Trung Quốc ban hành nghị quyết “Về phạm vi hoạt động của các trường đại học trọng điểm và chuyên gia” 《关于重点高等学校和专家工作范围的决议》, trong đó chỉ định 6 trường đại học trọng điểm quốc gia, gồm: Đại học Bắc Kinh, Đại học Thanh Hoa, Đại học Nhân dân Trung Quốc, Đại học Nông nghiệp Bắc Kinh (tiền thân của Đại học Nông nghiệp Trung Quốc), Đại học Y khoa Bắc Kinh (tiền thân của Khoa Y thuộc Đại học Bắc Kinh), Đại học Công nghiệp Cáp Nhĩ Tân. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, Trung Quốc thực hiện việc “khoanh vùng” các trường đại học. Tuy nhiên, việc chọn ra các trường đại học trọng điểm vào năm 1954 thực chất là một phần của Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1954 - 1959). Do đó, khái niệm “trọng điểm” ban đầu chỉ mang tính tạm thời, với thời hạn 5 năm.

Ngày 22 tháng 3 năm 1959, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ban hành “Quyết định về việc xác định một số trường đại học trọng điểm trong các trường cao đẳng và đại học” 《关于在高等学校中指定一批重点学校的决定》, trong đó chỉ định 16 trường đại học trọng điểm quốc gia để phát triển các ngành then chốt như: cơ khí, điện tử, quốc phòng, giao thông vận tải... phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa đất nước.

Ngày 28 tháng 8 năm 1959, bổ sung thêm 4 trường đại học trọng điểm thuộc các lĩnh vực giáo dục kỹ thuật, quân sự và y khoa nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển quốc gia và quốc phòng trong bối cảnh thời kỳ đó.

2.1.2. Giai đoạn “khoanh vùng” lần thứ hai

Ngày 22 tháng 10 năm 1960, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ban hành “Quyết định về việc tăng thêm các trường đại học trọng điểm quốc gia” 《中共中央关于增加全国重点高等学校的决定》. Trên cơ sở 20 trường đại học trọng điểm trước đó, văn kiện này bổ sung thêm 44 trường đại học, nâng tổng số trường trọng điểm quốc gia lên 64 trường. Trong đó, có 13 trường đại học tổng hợp, 32 trường đại học kỹ thuật và công nghệ, 2 trường sư phạm, 3 trường nông lâm, 5 trường y, 4 trường ngoại ngữ và chính trị pháp luật, 2 trường âm nhạc và thể thao, 3 trường quân sự. Năm 1963, 4 trường bổ sung vào danh sách trọng điểm, nâng tổng số trường trọng điểm đến năm 1963 là 68 trường.

2.1.3. Giai đoạn “khoanh vùng” lần thứ ba

Trải qua 10 năm động loạn của cuộc “cách mạng văn hoá” (1966 - 1976) đã làm cho nền giáo dục Trung Quốc bị tổn thất đặc biệt nghiêm trọng, khiến cho tiến trình xây dựng đại học trọng điểm bị gián đoạn. Trong giai đoạn này, Mao Trạch Đông đưa ra quan điểm: “Chế độ học tập nên rút ngắn lại, phải tiến hành làm cách mạng trong giáo dục, không thể để tồn tại hiện tượng những phần tử trí thức của giai cấp tư sản thống trị các trường học của chúng ta, như vậy không thể đi lên được...” [5, tr.169]. Sau 10 năm, số lượng các trường đại học và cao đẳng, số lượng giáo sư của các trường đại học suy giảm nghiêm trọng. Giáo dục không chỉ là vùng trắng mà còn có thể coi là vùng tối trên bức tranh toàn cảnh xã hội Trung Quốc lúc bấy giờ.

Đến năm 1978, khi công cuộc cải cách và mở cửa chính thức khởi động, “Thông báo của Quốc vụ viện về việc chuyển tiếp báo cáo của Bộ Giáo dục về việc khôi phục và xây dựng tốt các trường đại học trọng điểm quốc gia” 《关于恢复和办好全国重点高等学校的报告》 công bố danh sách 88 trường đại học trọng điểm quốc gia. Trung Quốc bắt tay khôi phục và phát triển giáo dục đại học, xác định giáo dục là “nền tảng cho sự nghiệp hiện đại hóa”.

2.1.4. Giai đoạn “khoanh vùng” lần thứ tư

Trong thời kỳ nguồn lực tài chính còn hạn chế, việc đầu tư dàn trải cho hơn 70 trường đại học sẽ dẫn đến tình trạng không trường nào đạt được sự vượt trội rõ rệt. Do đó, trong các kế hoạch 5 năm lần thứ 7 (1986 - 1990) và lần thứ 8 (1991 - 1995), Chính phủ Trung Quốc tiếp tục chọn ra 15 trường đại học từ nhóm các đại học trọng điểm để làm “trọng điểm của trọng điểm”. Danh sách bao gồm: Đại học Bắc Kinh, Đại học Thanh Hoa, Đại học Phúc Đán, Đại học Giao thông Tây An, Đại học Giao thông Thượng Hải, Đại học Khoa học và Công nghệ Trung Quốc, Đại học Y Bắc Kinh, Đại học Nhân dân Trung Quốc, Đại học Sư phạm Bắc Kinh, Đại học Nông nghiệp Trung Quốc, Đại học Công nghệ Bắc Kinh, Đại học Công nghiệp Cáp Nhĩ Tân, Đại học Công nghiệp Tây Bắc, Đại học Hàng không và Vũ trụ Bắc Kinh, Đại học Khoa học Kỹ thuật Quốc phòng.

Các trường đại học trọng điểm có một vai trò quan trọng trong sự phát triển của giáo dục đại học Trung Quốc trong những năm 1980. Năm 1980, các trường trọng điểm là những trường đầu tiên đào tạo bậc thạc sĩ và tiến sĩ trong một số chuyên ngành. Từ giữa thập kỷ 80 của thế kỷ XX, các trường này bắt đầu tập trung nhiều hơn vào cả hai mặt nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng.

2.1.5. Giai đoạn “khoanh vùng” lần thứ năm

Năm 1995, được sự phê chuẩn của Quốc vụ viện, nguyên Ủy ban kế hoạch quốc gia, nguyên ủy ban giáo dục quốc gia và Bộ Tài chính đã ban bố “Quy hoạch xây dựng tổng thể Công trình 211” 《“211工程” 总体建设规划》 nhằm xây dựng khoảng 100 trường đại học trọng điểm hướng tới thế kỉ 21.

Theo báo cáo của Bộ Giáo dục Trung Quốc, trong vòng 10 năm (1995 - 2005), tổng mức đầu tư cho Công trình 211 đã đạt 36,826 tỷ NDT ~ 5 tỷ USD [6]. Công trình 211 đánh dấu bước chuyển từ tập trung đào tạo số lượng sang chú trọng chất lượng và đẳng cấp quốc tế.

Ngày 04 tháng 5 năm 1998, trong lễ kỉ niệm 100 năm ngày thành lập Đại học Bắc Kinh, nguyên Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Giang Trạch Dân đã tuyên bố: “Để thực hiện hiện đại hóa, Trung Quốc cần có một số trường đại học hàng đầu có trình độ tiên tiến thế giới”. Năm 1999, Quốc Vụ Viện Trung Quốc đã phê chuẩn “Kế hoạch hành động chấn hưng giáo dục, hướng tới thế kỉ XXI” 《面向21世纪教育振兴行动计划》 của Bộ Giáo dục, gọi tắt là “Công trình 985” (985工程, Project 985) để xây dựng một nhóm trường đại học và viện nghiên cứu có đẳng cấp quốc tế.

Giai đoạn đầu (1999 - 2004), Chính phủ tập trung vào 9 trường trọng điểm (C9 League, tương tự Ivy League của Mỹ), cấp nguồn tài chính lớn để nâng cấp cơ sở vật chất, tuyển dụng nhân tài và phát triển nghiên cứu, gồm: Đại học Bắc Kinh, Đại học Thanh Hoa, Đại học Phúc Đán, Đại học Chiết Giang, Đại học Nam Kinh, Đại học Giao thông Thượng Hải, Đại học Giao thông Tây An, Đại học Khoa học và Công nghệ Trung Quốc, Đại học Hạ Môn. Danh sách các trường tham gia Công trình 985 được mở rộng ở giai đoạn tiếp (2004 - 2017), bao gồm các trường có tiềm năng trong khu vực, nâng tổng số lên 39 trường. Từ năm 1998 đến năm 2012, Công trình 985 đã được triển khai qua ba giai đoạn, bao gồm nguồn vốn đặc biệt của Trung ương, các bộ, ngành và chính quyền địa phương, tổng cộng là 45,123 tỷ nhân dân tệ ~ 6,3 tỷ USD. [7]

Sau một thời gian thực hiện, cả hai Công trình 211 và 985 dần bộc lộ những hạn chế. Để khắc phục hạn chế và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, nâng cao chất lượng giáo dục đại học, vào tháng 8 năm 2015, Tổng Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc Tập Cận Bình chủ trì phiên họp lần thứ 15 của Nhóm Lãnh đạo Trung ương về cải cách toàn diện đã thông qua “Kế hoạch tổng thể thúc đẩy xây dựng các trường đại học và ngành học đẳng cấp thế giới” 《统筹推进世界一流大学和一流学科建设总体方案》.

Vào tháng 10 năm 2015, Quốc Vụ Viện đã ban hành “Kế hoạch tổng thể thúc đẩy xây dựng các trường đại học và ngành học đẳng cấp thế giới” 《统筹推进世界一流大学和一流学科建设总体方案》, trong đó các dự án trọng điểm như: Công trình 211, công trình 985... đã được hợp nhất vào trong kế hoạch xây dựng này.

“Chương trình xây dựng các trường đại học và ngành học đẳng cấp thế giới” (世界一流大学和一流学科建设, thường được gọi là Double First - Class Initiative, gọi tắt là 双一流, tạm dịch là Hai đẳng cấp thế giới) chính thức được Chính phủ ban hành năm 2017 với định hướng phát triển dài hạn, chia thành 3 giai đoạn: Giai đoạn 1 (2016 - 2020) tiến hành xây dựng và hoàn thiện một số trường và ngành học đạt trình độ thế giới; Giai đoạn 2 (2021 - 2030) tiến hành mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng bằng việc tăng số lượng trường và ngành học đạt tiêu chuẩn quốc tế; Giai đoạn 3 (2031 - 2050) sẽ phấn đấu trở thành một quốc gia có nền giáo dục đại học hàng đầu thế giới.

2.2. Một số thành tựu đã đạt được từ việc xây dựng đại học trọng điểm của Trung Quốc

Vị thế các trường đại học trọng điểm Trung Quốc trên bảng xếp hạng thế giới đã là câu trả lời cho chiến lược đúng đắn của Trung Quốc khi bắt tay xây dựng các trường đại học trọng điểm từ những năm 50 của thế kỷ XX.

Hiện nay, Trung Quốc có khoảng 2.700 trường đại học. Theo báo cáo năm 2023 của THES (Times Higher Education Supplement), Trung Quốc có 4 trường thuộc top 50 thế giới, 7 trường thuộc top 100, 13 trường thuộc top 200 thế giới. Hai trường hàng đầu là đại học Thanh Hoa top 16 và đại học Bắc Kinh top 17 [8].

Theo báo cáo năm 2023 của ARWU (Academic Ranking of World Universities), Trung Quốc có 4 trường thuộc top 50 thế giới, 10 trường thuộc top 100, 32 trường thuộc top 200 thế giới. Hai trường hàng đầu là đại học Thanh Hoa top 22 và đại học Bắc Kinh top 29 [1].

Thành tựu nghiên cứu cũng có sự cải thiện rõ rệt: số trường lọt vào top 300 của bảng xếp hạng quốc tế tăng từ 17 (năm 2015) lên 27 (năm 2019), trong đó Đại học Chiết Giang ghi nhận tăng 52% kinh phí nghiên cứu, có 9 bài trên *Nature-Science-Cell* và 23 giảng viên được xếp vào danh sách các nhà khoa học được trích dẫn nhiều nhất toàn cầu [9].

Khoảng cách giữa Trung Quốc với các quốc gia có nền giáo dục đại học hàng đầu thế giới đầu ngày càng được rút ngắn theo thời gian. Theo báo cáo năm 2023 của Clarivate (Web of Science), Trung Quốc có 1.275 lượt nhà khoa học được trích dẫn nhiều, xếp thứ hai toàn cầu (sau Mỹ), chiếm 17,9%. Tỷ lệ này tăng so với 16,2% vào năm 2022, 14,2% vào năm 2021, 12,1% vào năm 2020, 10,2% vào năm 2019 và 7,9% vào năm 2018. Từ năm 2018 đến nay, tỷ lệ các nhà khoa học được trích dẫn nhiều của Trung Quốc trên toàn cầu đã tăng hơn gấp đôi. Năm 2023, tỷ lệ toàn cầu của các nhà khoa học được trích dẫn nhiều ở Mỹ đã giảm, với mức giảm 5,9% kể từ năm 2018 [3].

Trong top 50 tổ chức có số lượt nhà khoa học được trích dẫn nhiều toàn cầu năm 2023, có 6 trường đại học từ Trung Quốc đại lục và 2 trường đại học từ Hồng Kông (Trung Quốc). Tổng cộng, 8 trường này có 330 lượt nhà khoa học được trích dẫn nhiều, chiếm 4,6% tổng số toàn cầu [3].

Trung Quốc đã tiến một bước rất dài trong việc nâng cao chất lượng giáo dục đại học và đã đạt được những thành tựu rất đáng kể. Đó là kết quả của sự tổng hòa các chính sách đẩy mạnh giáo dục đại học:

2.2.1. Sự quyết tâm của Nhà nước với những chiến lược dài hạn và các khoản đầu tư có trọng tâm
Trung Quốc đã triển khai một loạt đại dự án khởi đầu từ năm 1995 với nguồn tài chính rất lớn nhằm đưa giáo dục đại học Trung Quốc vươn tầm đẳng cấp thế giới.

2.2.2. Các trường đại học Trung Quốc có chính sách thu hút và phát triển đội ngũ các nhà khoa học và chuyên gia từ khắp nơi trên thế giới cho các dự án đổi mới trọng điểm quốc gia, các ngành học trọng điểm, phòng thí nghiệm trọng điểm, các khu công nghệ cao... nhằm đột phá các công nghệ cốt lõi, phát triển ngành công nghiệp công nghệ cao, cũng như thúc đẩy các lĩnh vực khoa học mới nổi giúp các trường đại học xây dựng đội ngũ nghiên cứu chất lượng cao, tiếp cận với tri thức tiên tiến và mở rộng mạng lưới nghiên cứu quốc tế, tạo ra môi trường học thuật hấp dẫn và sáng tạo.

2.2.3. Kết hợp giữa mục tiêu quốc gia và chuẩn quốc tế, vừa đáp ứng nhu cầu trong nước vừa hướng tới hội nhập toàn cầu. Điển hình như Đại học Thanh Hoa có quan hệ hợp tác chặt chẽ với các đại học hàng đầu thế giới như: Đại học Harvard, Đại học Oxford và Đại học Cambridge, Viện Công nghệ Massa-

chuset (MIT)... để triển khai các dự án nghiên cứu lớn về trí tuệ nhân tạo, khoa học môi trường và kỹ thuật. Họ cũng tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên, giúp sinh viên của mình có cơ hội học tập và nghiên cứu tại các đại học hàng đầu trên thế giới.

2.2.4. Thúc đẩy tự chủ đại học. Trung Quốc đã cho phép các trường chủ động hơn trong việc quyết định các vấn đề then chốt như cơ chế tài chính, công tác tuyển dụng đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu, cũng như việc thiết kế và triển khai chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội và thị trường lao động. Trung Quốc cũng từng bước hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế giám sát phù hợp, đảm bảo quyền tự chủ đi đôi với trách nhiệm giải trình.

2.2.5. Gắn kết chặt chẽ giữa giáo dục, nghiên cứu khoa học, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước. Mô hình “liên minh bốn nhà” này đã tạo nên một hệ sinh thái đổi mới sáng tạo năng động. Thông qua việc khuyến khích hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp, các dự án nghiên cứu ứng dụng đã được triển khai mạnh mẽ vừa đáp ứng nhu cầu thực tiễn vừa thúc đẩy năng lực nghiên cứu của các trường.

2.3. Một số liên hệ và bài học kinh nghiệm với Việt Nam trong việc xây dựng đại học trọng điểm

Khái niệm “trường đại học trọng điểm” lần đầu tiên được đưa vào các văn bản pháp lý của Việt Nam năm 2001 với Quyết định 47/2001/QĐ-TTg ngày 04/04/2001 của Thủ tướng về Phê duyệt “*Quy hoạch mạng lưới trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2001 - 2010*”. Tiếp theo là công văn 1269/CP-KG ngày 06/9/2004 của Thủ tướng về việc tiếp tục hoàn thiện mạng lưới các trường đại học, cao đẳng của Chính phủ đồng ý xây dựng 14 trường đại học trọng điểm: Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Thái Nguyên, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội, Trường Đại học Y Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Y Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Cần Thơ.

Tuy nhiên, thế nào là đại học trọng điểm, điều kiện nào để được công nhận là đại học trọng điểm và những ưu đãi nào dành cho các trường đại học trọng điểm thì chưa có văn bản nào đề cập đến. Dựa trên danh sách các trường được chọn lựa thì có thể hiểu đại học trọng điểm được xác định dựa trên vùng lãnh thổ và những ngành đặc biệt quan trọng cho đời sống kinh tế xã hội và an ninh quốc gia (sư phạm, y dược, kinh tế, nông lâm ngư nghiệp, công nghệ, kỹ thuật quân sự, quân y, hàng hải). Ngoài 2 Đại học Quốc gia và Đại học vùng được xem là những cơ sở được chính phủ ưu tiên giao quyền tự chủ thì những trường đại học trọng điểm khác không có sự ưu tiên hay khác biệt gì về cơ chế quản lý so với những trường không phải là trọng điểm.

Tuy vậy, các trường đại học trọng điểm hiện đang nhận được sự quan tâm và đầu tư nguồn lực đặc biệt thể hiện sự cam kết và ưu tiên của chính phủ, dù rằng không có văn bản hay quy định nào cụ thể về sự cam kết này.

Ngày 30/11/2023, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức Tọa đàm lấy ý kiến góp ý về “*Dự thảo Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học (GDĐH) và sư phạm thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*”. Theo đó, Bộ dự kiến đến năm 2030, cả nước có khoảng 250 cơ sở giáo dục đại học và 50 phân hiệu. Trong đó, toàn quốc có khoảng 30 cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia, bao gồm 5 đại học quốc gia, 5 đại học vùng và từ 18 đến 20 cơ sở giáo dục đại học trọng điểm ngành, quốc gia.

Cụ thể, ngoài hai Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng dự kiến trở thành đại học quốc gia vào năm 2030. Các cơ sở đào tạo này sẽ có quyền tự chủ cao hơn các mô hình còn lại, có sứ mạng dẫn dắt và vai trò nòng cốt thực hiện nhiệm vụ chiến lược quốc gia về phát triển nhân tài, nhân lực chất lượng cao, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Do đó, các đại học này phải có năng lực, uy tín và chất lượng đứng đầu cả nước về khoa học, kỹ thuật, công nghệ và một số lĩnh vực, ngành trọng điểm khác của quốc gia. Mục tiêu là các đại học quốc gia sẽ vào nhóm đại học hàng đầu châu Á, có ít nhất 20 lĩnh vực nằm trong top 1.000 của các bảng xếp hạng quốc tế uy tín.

Đầu năm 2025, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã ban hành định số 452/QĐ-TTg về “Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”. Trong đó, Chính phủ chủ trương hình thành các trung tâm giáo dục đại học lớn, đào tạo chất lượng cao, trình độ cao gắn với nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; nâng cấp, phát triển một số cơ sở giáo dục đại học đạt các tiêu chuẩn chất lượng ngang tầm khu vực và thế giới, đáp ứng yêu cầu thực hiện mục tiêu của Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030”.

Theo báo cáo năm 2023 của THES (Times Higher Education Supplement), Việt Nam có 6 trường có mặt trong bảng xếp hạng quốc tế. Trong đó, 2 trường thuộc top 500 thế giới (trường Đại học Duy Tân, trường Đại học Tôn Đức Thắng), 4 trường còn lại thuộc top 1000 - 1500+ (theo thứ tự Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Bách Khoa Hà Nội, Đại học Huế, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh). Có thể nhận thấy rằng, 2 trường thuộc top 500 thế giới là trường không nằm trong danh sách đại học trọng điểm, 4 trường còn lại thuộc top 1000 - 1500+ đang bị tụt thứ hạng qua từng năm. Đơn cử hai Đại học Quốc gia trong danh sách đại học trọng điểm: Đại học Quốc gia Hà Nội từ nhóm hạng 801 - 1000 năm 2020, 2021 tụt xuống nhóm hạng 1001 - 1200 năm 2022, 2023; Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh từ nhóm hạng 1001+ năm 2020, 2021 bị tụt xuống nhóm hạng 1201+ năm 2022 và xuống nhóm hạng 1500+ năm 2023 [8].

Theo báo cáo năm 2023 của ARWU (Academic Ranking of World Universities), Việt Nam không có đại diện trong bảng xếp hạng 1000 [4].

Trong hơn 20 năm quy hoạch xây dựng mạng lưới trường đại học trọng điểm, bộ mặt giáo dục đại học Việt Nam cũng đã có những thay đổi đáng kể. Tuy nhiên, vị thế của giáo dục đại học Việt Nam nói chung và các trường đại học trọng điểm nói riêng trên bản đồ giáo dục quốc tế vẫn còn rất khiêm tốn. Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng, có nhiều điểm tương đồng trong chính sách cải cách và phát triển. Tìm hiểu và vận dụng bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tế của nước bạn là một trong những gợi mở nhằm tìm kiếm con đường thành công cho chính chúng ta. Bài viết đưa ra một số gợi ý cho Việt Nam như sau:

Thứ nhất, cần xác định rõ danh sách các trường đại học chiến lược và tập trung nguồn lực đầu tư đủ lớn, có trọng điểm, để họ trở thành nòng cốt của hệ thống giáo dục, đạt chuẩn khu vực và tiệm cận quốc tế. Việc đầu tư phải gắn với cơ chế kiểm soát chặt chẽ, cam kết kết quả đầu ra cụ thể, đồng thời khuyến khích đa dạng hóa nguồn thu ngoài ngân sách nhà nước.

Thứ hai, thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa quyền tự chủ đại học trên cả ba phương diện: tài chính, nhân sự và học thuật. Tự chủ phải thực chất, đi kèm với cơ chế trách nhiệm giải trình rõ ràng, nhằm bảo đảm chất lượng đào tạo và quyền lợi người học. Bên cạnh đó, Nhà nước cần chuyển vai trò từ “kiểm soát” sang “giám sát” và “hỗ trợ”, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho các trường phát triển theo hướng tự chủ và sáng tạo.

Thứ ba, kết nối chặt chẽ với doanh nghiệp và thị trường lao động để nâng cao tính thực tiễn và khả năng ứng dụng của hoạt động đào tạo, nghiên cứu. Việc gắn kết này không chỉ giúp nhà trường cập nhật kịp thời nhu cầu thực tế mà còn mở ra nhiều cơ hội hợp tác nghiên cứu ứng dụng, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo cho sinh viên và giảng viên. Các chương trình đào tạo nên được thiết kế với sự tham gia của doanh nghiệp, nhằm bảo đảm rằng sinh viên sau khi ra trường đáp ứng tốt yêu cầu nghề nghiệp hiện đại. Đồng thời, xây dựng các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trong trường cũng là cách hiệu quả để nuôi dưỡng tinh thần đổi mới và khả năng hội nhập toàn cầu cho thế hệ trẻ.

Thứ tư, tăng cường quốc tế hóa giáo dục đại học. Việt Nam cần đẩy mạnh các hoạt động hợp tác đào tạo, nghiên cứu với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trên thế giới, tổ chức các chương trình đào tạo liên kết quốc tế, tăng cường trao đổi giảng viên, sinh viên và học giả quốc tế. Đồng thời, việc thu hút sinh viên nước ngoài đến học tập và nghiên cứu tại Việt Nam hình thành môi trường học thuật quốc tế trong các trường đại học trọng điểm. Quốc tế hóa không chỉ giúp nâng cao chất lượng đào tạo mà còn góp phần quảng bá hình ảnh, vị thế giáo dục đại học Việt Nam trên trường quốc tế.

Xem tiếp trang 201